

## TỜ TRÌNH

### **Dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Phí và lệ phí, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Nghị quyết quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

#### **I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, theo đó tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 85/2019/TT-BTC và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC quy định:

“2. Xây dựng mức thu các khoản phí, lệ phí cần đảm bảo:

- Căn cứ mức thu phí, lệ phí hiện hành (nếu có) để làm cơ sở đề xuất mức thu.
- Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí. Mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp trực tuyến phù hợp để khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến”.

Thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, trong đó tại khoản 16 của Chỉ thị giao Ủy ban nhân dân tỉnh: “Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp có chính sách miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện”.

Qua rà soát, hiện tại trên địa bàn tỉnh có 11/16 khoản phí và 05 khoản lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh có áp dụng thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến.

*(Đính kèm danh mục các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh có áp dụng thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến).*

Căn cứ quy định, chủ trương nêu trên và tình hình thực tế của tỉnh, nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến, việc xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Nghị quyết quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

## **II. Mục đích, quan điểm xây dựng dự thảo văn bản**

1. Mục đích: Việc ban hành Nghị quyết là để phù hợp với quy định của pháp luật phí, lệ phí, Chỉ thị số 05/CT-TTg và nhằm khuyến khích tổ chức, người dân tham gia nhiều hơn, tiết kiệm chi phí đi lại, góp phần thực hiện chủ trương xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, nâng cao thứ hạng chỉ số cải cách hành chính tỉnh và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

2. Quan điểm:

a) Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Nội dung quy định rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ thực hiện.

d) Bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản.

## **III. Quá trình xây dựng dự thảo văn bản**

1. Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận việc xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang có Công văn số 53/HĐND-TT về việc cho ý kiến đối với Tờ trình số 234/TTr-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh, theo đó chấp thuận với chủ trương đề nghị xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang.

Thực hiện quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cơ quan chủ trì soạn thảo (Sở Tài chính) soạn thảo dự thảo Nghị quyết quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên

địa bàn tỉnh An Giang, quy trình xây dựng đúng trình tự, thủ tục, được tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, Sở Tài chính có Công văn số 509/STC-HCSN gửi lấy ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang, các sở, ngành và các địa phương góp ý dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách, Tờ trình và Nghị quyết quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang, đồng thời đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải toàn bộ dự thảo trên Cổng thông tin điện tử tỉnh trong thời gian ít nhất 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

Sau khi tiếp thu ý kiến góp ý, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định; tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và trình dự thảo Nghị quyết.

#### **IV. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo nghị quyết**

Dự thảo Nghị quyết gồm có 3 Điều, với nội dung cơ bản như sau:

##### **“Điều 1. Quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang**

###### 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

###### a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh An Giang.

###### b) Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang (trừ những đối tượng được miễn phí, lệ phí theo quy định của pháp luật).

Các cơ quan, tổ chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang.

Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu phí, lệ phí.

###### 2. Mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến

a) Mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến bằng 50% mức thu phí, lệ phí theo quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang đang áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Trường hợp mức thu phí, lệ phí sau khi tính ra tỷ lệ phần trăm (%) có số lẻ sẽ làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

###### 3. Kê khai, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến

a) Cơ quan, tổ chức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến thực hiện kê khai, nộp số tiền phí, lệ phí thu được theo tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang đang áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc thu phí phát sinh cao hơn so với số tiền phí được trích để lại do thực hiện dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, tổ chức thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của các các cơ quan, tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tỉnh triển thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày .... tháng ..... năm 2024 và có hiệu lực từ ngày .....tháng .....năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025”.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang xem xét, quyết định./.

*(Hồ sơ gửi kèm: (1) Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang; (2) Báo cáo đánh giá tác động về việc quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang; (3) Báo cáo số 71/BC-STP ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Sở Tư pháp; (4) Báo cáo của Sở Tài chính tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp và các văn bản liên quan).*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh (để b/c);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Minh Thúy**

**Danh mục Phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh  
có áp dụng thủ tục hành chính, thực hiện dịch vụ công trực tuyến**

*(Kèm theo Tờ trình số 302/TTr-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Tên phí, lệ phí	Nghị quyết của HĐND
<b>I</b>	<b>PHÍ</b>	
1	Phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống	Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống trên địa bàn tỉnh An Giang
2	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 05/05/2020 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang
3	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang
4	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh An Giang
5	Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường	Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang
6	Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất	Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang
7	Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất	Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh An Giang
8	Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt	Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt trên địa bàn tỉnh An Giang
9	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai	Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang
10	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang
11	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm (phí đăng ký biện pháp bảo đảm) bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang
<b>II</b>	<b>LỆ PHÍ</b>	
1	Lệ phí hộ tịch	Nghị quyết 13/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh An Giang
2	Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức hoạt động trên địa bàn tỉnh An Giang

STT	Tên phí, lệ phí	Nghị quyết của HĐND
3	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất	Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang
4	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang
5	Lệ phí đăng ký kinh doanh	Nghị quyết số 26/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang
6	Lệ phí đăng ký cư trú	hiện nay, 2 khoản lệ phí này thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài chính
7	Lệ phí cấp chứng minh nhân dân	

Số: 71/BC-STP

An Giang, ngày 22 tháng 3 năm 2024

## BÁO CÁO

### **Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang**

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 655/STC-HCSN ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo Tờ trình và Nghị quyết quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

#### **d. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo**

Cơ quan soạn thảo dự thảo:

*“1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng*

##### *d) Phạm vi điều chỉnh*

*Nghị quyết này quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang.*

##### *b) Đối tượng áp dụng*

*Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang (trừ những đối tượng được miễn, giảm phí, lệ phí theo quy định của pháp luật).*

*Các cơ quan, tổ chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang.*

*Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu phí, lệ phí.”*

Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát một số nội dung sau:

a) Đề xuất cơ quan soạn thảo quy định rõ hơn phạm vi điều chỉnh (chỉ đối với các mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh) nhằm tránh việc nhầm lẫn thẩm quyền hoặc gây hiểu lầm về chính sách.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự phù hợp của cụm từ *“(trừ những đối tượng được miễn, giảm phí, lệ phí theo quy định của pháp luật)”* tại điểm b khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, theo đó, có thể hiểu, các trường hợp được giảm phí, lệ phí theo quy định của các văn bản pháp luật khác sẽ không được giảm theo quy định của Nghị quyết này. Như vậy, quy định này có phù hợp chưa.

## **2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật**

Tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định:

### **“Điều 4. Nguyên tắc xác định mức thu**

*Mức thu các khoản phí, lệ phí do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo quy định theo khoản 1 Điều 22 Luật phí và lệ phí, đảm bảo nguyên tắc và căn cứ sau:*

2. Xây dựng mức thu các khoản phí, lệ phí cần đảm bảo:

a) Căn cứ mức thu phí, lệ phí hiện hành (nếu có) để làm cơ sở đề xuất mức thu.”

**“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

...

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 2 Điều 4 như sau:

*“b) Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương nơi phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, lệ phí. Mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp trực tuyến phù hợp để khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công theo phương thức trực tuyến.”*

Tại khoản 16 của Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và các năm tiếp theo, Thủ tướng Chính phủ giao:

*“16. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:*

...

*- Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp có chính sách miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện...”*

Tại khoản 2 của Công văn số 2221/BTC-CST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thực hiện Thông báo số 36/TB-VPCP ngày 19/02/2023 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 ý kiến:



*“2. Tại khoản 4 Điều 20 Luật Phí và lệ phí quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ: “... kiến nghị với Chính phủ hoặc Bộ Tài chính về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc ngành, lĩnh vực quản lý”.*

*Tại khoản 1 Điều 22 Luật Phí và lệ phí quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: “Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền”.*

*Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị:*

...

*- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu phí, lệ phí (thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến, báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tài chính trước ngày 30/7/2023.”*

Tại khoản 1, 3 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

***“Điều 27. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh***

*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:*

*1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.*

*3. Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương.”*

Căn cứ quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang ***là cần thiết và đúng thẩm quyền.***

### **3. Dự thảo Nghị quyết**

a) Căn cứ ban hành

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh tên Tờ trình trong phần *“Xét Tờ trình số...”* thống nhất với tên dự thảo Tờ trình dự thảo Nghị quyết và điều chỉnh phần *“Xét Tờ trình”* nhằm phù hợp với quy định tại Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

*“Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ...; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.”*

b) Điều 1

Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ “*trên địa bàn tỉnh An Giang*” tại khoản 2 do thừa và nhằm thống nhất với tên khoản 2.

Đề nghị cơ quan soạn thảo quan tâm quy định rõ hơn việc làm tròn tại điểm b khoản 2 nhằm tránh phát sinh khó khăn trong trường hợp áp dụng pháp luật.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát cụm từ “*Kê khai nộp*” tại tên khoản 3 với cụm từ “*kê khai, nộp*” tại điểm a khoản 3 có khác nhau không, nếu không, đề nghị điều chỉnh thống nhất và chính xác hơn; đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo “*đối với mức thu phí, lệ phí*” trước cụm từ “*theo quy định tại các Nghị quyết ...*” do thừa.

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh Điều 3 nhằm phù hợp với quy định tại Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể: “**Điều 3.** *Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày .... tháng ..... năm 2024 và có hiệu lực từ ngày .....tháng .....năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025./.*”

#### **4. Dự thảo Tờ trình**

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh dấu câu trong toàn bộ dự thảo Tờ trình (Ví dụ: bỏ dấu hai chấm tại tên Mục I; bỏ 1 dấu chấm tại cuối phần viện dẫn đầu tiên của Mục I).

b) Đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh, bổ sung quá trình xây dựng văn bản tại Mục III (sau khi tiếp thu ý kiến góp ý, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định; tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và trình dự thảo Nghị quyết).

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh từ “*cụ thể*” thành “*cơ bản*” tại Mục IV và chỉ trình bày nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết.

d) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh chính xác hơn tên các Nghị quyết tại Danh mục kèm theo Tờ trình dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Công thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT&TĐTHPL.

**GIÁM ĐỐC**

**Cao Thanh Sơn**

An Giang, ngày tháng 03 năm 2024

**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN ĐÓNG GÓP**  
**Góp ý dự thảo Nghị quyết quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang**

(kèm Công văn số /STC-HCSN ngày /4/2024 của Sở Tài chính)

Sở Tài chính đã có Công văn số 508/STC-HCSN và Công văn số 509/STC-HCSN ngày 29/02/2024 gửi các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh và địa phương về việc góp ý dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách, Tờ trình và Nghị quyết quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang.

Trên cơ sở ý kiến góp ý, có bảng tiếp thu, giải trình như sau:

STT	ĐƠN VỊ	Ý KIẾN ĐÓNG GÓP	Ý KIẾN TIẾP THU /GIẢI TRÌNH
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (Công văn số 2623/MTTQ-BTT ngày 07/3/2024)	<p>- Dự thảo Báo cáo: Thống nhất nội dung dự thảo báo cáo tác động về việc mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang.</p> <p>Về lựa chọn giải pháp theo nội dung dự thảo tại mục 5./III: “5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn...”, theo dự thảo có đề ra 02 giải pháp lựa chọn giải pháp 1 và giải pháp 2: Thống nhất, chọn giải pháp 2 là phù hợp với thực tế hiện nay.</p> <p>- Dự thảo Tờ trình: Thống nhất sự cần thiết việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh</p>	

STT	ĐƠN VỊ	Ý KIẾN ĐÓNG GÓP	Ý KIẾN TIẾP THU /GIẢI TRÌNH
		<p>quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang là cần thiết và phù hợp. - Dự thảo nghị quyết: Thống nhất</p>	
2	<p>Sở Tư pháp (Công văn số 278/STP-XDKT&amp;TDTHPL ngày 05/3/2024)</p>	<p><b>1. Thẩm quyền và sự cần thiết ban hành:</b> Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định.</p> <p><b>2. Dự thảo Nghị quyết</b></p> <p>a) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách định lề trang theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>b) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày tên cơ quan ban hành văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 57 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể: “Điều 57. Tên cơ quan ban hành văn bản 2. Tên cơ quan ban hành văn bản được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 13, phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng từ 1/3 đến 1/2 độ dài của dòng chữ và đặt ở giữa, cân đối so với dòng chữ.”</p> <p>c) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh dòng quy định thẩm quyền như sau: <b>HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG</b> <b><u>KHÓA X KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ</u></b></p>	<p>Đã điều chỉnh</p> <p>Đã điều chỉnh</p> <p>Đã điều chỉnh</p>

STT	ĐƠN VỊ	Ý KIẾN ĐÓNG GÓP	Ý KIẾN TIẾP THU /GIẢI TRÌNH
		<p>d) Căn cứ ban hành Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh Căn cứ ban hành như sau:</p> <p>“... Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.”</p> <p>đ) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cách lùi dòng theo quy định tại khoản 4 Điều 62 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:</p>	<p>Đã điều chỉnh</p> <p>Đã điều chỉnh</p>

STT	ĐƠN VỊ	Ý KIẾN ĐÓNG GÓP	Ý KIẾN TIẾP THU /GIẢI TRÌNH
		<p><i>“Điều 62. Bố cục của văn bản</i></p> <p><i>4. Nội dung văn bản được trình bày bằng chữ in thường, được dàn đều cả hai lề, kiểu chữ đứng; cỡ chữ từ 13 đến 14; khi xuống dòng, chữ đầu dòng lùi vào từ 1cm đến 1,27cm; khoảng cách giữa các đoạn văn đặt tối thiểu là 6pt; khoảng cách giữa các dòng hay cách dòng chọn tối thiểu từ cách dòng đơn hoặc từ 15pt trở lên.”</i></p> <p>e) Điều 1</p> <p>Thứ nhất: đề xuất cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ “cụ thể như sau” tại tên Điều 1. Trong trường hợp thống nhất bỏ, đề nghị cơ quan soạn thảo in đậm tên Điều.</p> <p>Thứ hai: đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ dấu hai chấm sau tên khoản 1, tên điểm a, b khoản 1; xuống dòng đối với nội dung tại điểm a khoản 1.</p> <p>Thứ ba: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cách trình bày điểm b khoản 1 theo quy định tại khoản 2 Điều 62 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể: <i>“2. Mỗi điểm trong bố cục của văn bản chỉ được thể hiện một ý và phải được trình bày trong một câu hoàn chỉnh hoặc một đoạn, không sử dụng các ký hiệu khác để thể hiện các ý trong một điểm.”</i></p> <p>Thứ tư: đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ hơn phạm vi điều chỉnh nhằm tránh việc nhầm lẫn thẩm quyền.</p> <p>Thứ năm: đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ hơn việc làm tròn tại điểm b khoản 2 (làm tròn lên hay làm tròn xuống).</p>	<p><b>Đã điều chỉnh</b></p> <p><b>Đã điều chỉnh</b></p> <p><b>Đã điều chỉnh</b></p> <p><b>Phạm vi điều chỉnh tại dự thảo đã quy định cụ thể và phù hợp với thẩm quyền</b></p> <p><b>Việc làm tròn số cơ quan thu phí, lệ phí sẽ tùy vào từng trường hợp để xác định theo</b></p>

STT	ĐƠN VỊ	Ý KIẾN ĐÓNG GÓP	Ý KIẾN TIẾP THU /GIẢI TRÌNH
		<p>g) Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 593/STNMT-KHTC ngày 28/02/2024 về việc ý kiến đối với danh mục phí, lệ phí dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách phí, lệ phí để khuyến khích người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến.</p> <p><b>3. Dự thảo Tờ trình</b></p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cách trình bày dự thảo Tờ trình theo góp ý tại khoản 2 của Công văn này và một số nội dung cụ thể sau:</p> <p>a) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh tên Luật “Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật” thành “Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật”; thống nhất việc trình bày tên Luật có “ngày, tháng, năm” không.</p> <p>b) Đề xuất cơ quan soạn thảo bổ sung mục đích xây dựng dự thảo gắn với Chỉ thị số 05/CT-TTg; đồng thời rà soát thống nhất với mục tiêu tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.</p> <p>c) Mục III</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày “ngày/tháng/năm” thành “ngày ... tháng ... năm”.</p>	<p>nguyên tắc số học, dự thảo không thể xác định là làm tròn lên hay làm tròn xuống</p> <p>Ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính đã tổng hợp và đề xuất cụ thể tại điểm b khoản 3 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết.</p> <p><b>Đã điều chỉnh</b></p> <p><b>Đã điều chỉnh</b></p> <p><b>Đã điều chỉnh</b></p>

STT	ĐƠN VỊ	Ý KIẾN ĐÓNG GÓP	Ý KIẾN TIẾP THU /GIẢI TRÌNH
		<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ dấu cách giữa cụm từ “Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang” với dấu phẩy sau đó.</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh từ “Sở, ngành” thành “sở, ngành”.</p> <p>d) Mục IV</p> <p>Do nội dung chính của dự thảo Nghị quyết ngắn gọn, đồng thời, qua rà soát, nhận thấy phần bố cục và nội dung cơ bản (khoản 1, 2 Mục IV) của dự thảo Tờ trình có nội dung trùng nhau (Điều 2, 3), do đó, đề xuất cơ quan soạn thảo không bố cục Mục IV thành 2 khoản.</p> <p>đ) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh phần cuối dự thảo Tờ trình phù hợp với quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p><b>4. Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách</b></p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cách trình bày dự thảo Báo cáo theo góp ý tại khoản 2, 3 của Công văn này và một số nội dung cụ thể sau:</p> <p>a) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh dự thảo Báo cáo theo Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.</p>	<p>Đã điều chỉnh</p> <p>Đã điều chỉnh</p> <p>Đã điều chỉnh</p> <p>Đã điều chỉnh</p> <p>Đã điều chỉnh</p>



STT	ĐƠN VỊ	Ý KIẾN ĐÓNG GÓP	Ý KIẾN TIẾP THU /GIẢI TRÌNH
		<p>b) Mục III</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát việc xác định vấn đề bất cập phù hợp, đầy đủ chưa.</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát mục tiêu tại khoản 2 Mục III phù hợp với mục tiêu tại Mục II.</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự phù hợp của giải pháp 1 (giải pháp 1 có thể xem là không cần ban hành nghị quyết, như vậy sẽ không phù hợp với tinh thần của Chỉ thị số 05/CT-TTg).</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện quy ước trước khi viết tắt đối với cụm từ “NSNN” (đề xuất không viết tắt do cụm từ này không lặp lại nhiều).</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, thống nhất cách trình bày tên các khoản, tiểu mục (có dấu hai chấm hoặc không có dấu hai chấm sau tên).</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh từ “<i>chính sách 1</i>”, “<i>chính sách 2</i>” thành “<i>Giải pháp 1</i>”, “<i>Giải pháp 2</i>” tại tiểu mục 4.1, 4.2 do chỉ có 1 chính sách (2 giải pháp) và khoản 4 là đánh giá tác động đối với các giải pháp đề ra của chính sách.</p>	<p>Đã điều chỉnh</p> <p>Đã điều chỉnh</p> <p>Đã điều chỉnh</p> <p>Đã điều chỉnh</p> <p>Đã điều chỉnh</p> <p>Đã điều chỉnh</p>
3	Ban Quản lý khu kinh tế (Công văn số 361/BQLKKT-VP ngày 08/3/2024)	Tại điểm b khoản 2 Điều 1, đề nghị bổ sung cụm từ “doanh nghiệp” vào đối tượng áp dụng.	Không điều chỉnh do đối tượng “tổ chức” đã bao gồm đối tượng “doanh nghiệp”
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 556/SKHĐT-ĐKKD ngày 12/3/2024)	Thống nhất với dự thảo	

STT	ĐƠN VỊ	Ý KIẾN ĐÓNG GÓP	Ý KIẾN TIẾP THU /GIẢI TRÌNH
5	Sở Tài nguyên và Môi trường (Công văn số 739/STNMT-KHTC ngày 12/3/2024)	Thống nhất với dự thảo	
6	Sở Y tế (Công văn số 565/SYT-KHTC ngày 11/3/2024)	Thống nhất với dự thảo	
7	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (Công văn số 621/SLĐTBXH-LĐVL ngày 11/3/2024)	Thống nhất với dự thảo	
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Công văn số 522/SNNPTNT-VP ngày 11/3/2024)	Thống nhất với dự thảo	
9	Sở Giáo dục và Đào tạo (Công văn số 704/SGDDĐT-VP ngày 13/3/2024)	Thống nhất với dự thảo	
10	Sở Khoa học và Công nghệ (Công văn số 406/SKHCN-VP ngày 13/3/2024)	Thống nhất với dự thảo	
11	Sở Nội vụ (Công văn số 414/SNV-VP ngày 12/3/2024)	Thống nhất với dự thảo	
12	Trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư (Công văn số 212/TTXTTMĐT-VP ngày 07/3/2024)	Thống nhất với dự thảo	
13	Trường cao đẳng nghề (Công văn số 454/CĐN-TCHC ngày	Thống nhất với dự thảo	

STT	ĐƠN VỊ	Ý KIẾN ĐÓNG GÓP	Ý KIẾN TIẾP THU /GIẢI TRÌNH
	06/3/2024)		
14	Cục Thuế tỉnh(Công văn số 699/CTAGI-NVDTPC ngày 11/3/2024)	Thông nhất với dự thảo	
15	UBND TP. Long Xuyên (Công văn số 1983/UBND-KT ngày 8/3/2024)	Thông nhất với dự thảo	
16	UBND Huyện Thoại Sơn (Công văn số 226/UBND-TH ngày 7/3/2024)	Thông nhất với dự thảo	
17	UBND Huyện An Phú (Công văn số 222/UBND-TH ngày 6/3/2024)	Thông nhất với dự thảo	
18	Các đơn vị còn lại không có ý kiến xem như thống nhất		

Số: /2024/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến  
trên địa bàn tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG  
KHÓA X KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí  
và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của  
Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết  
định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông  
tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài  
chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29  
tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí  
thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực  
thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh An Giang dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định  
mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang;  
báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu  
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

## **Điều 1. Quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang**

### 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

#### a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh An Giang.

#### b) Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang (trừ những đối tượng được miễn phí, lệ phí theo quy định của pháp luật).

Các cơ quan, tổ chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang.

Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu phí, lệ phí.

### 2. Mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến

a) Mức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến bằng 50% mức thu phí, lệ phí theo quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đang áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Trường hợp mức thu phí, lệ phí sau khi tính ra tỷ lệ phần trăm (%) có số lẻ sẽ làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

### 3. Kê khai, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến

a) Cơ quan, tổ chức thu phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến thực hiện kê khai, nộp số tiền phí, lệ phí thu được theo tỷ lệ nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đang áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc thu phí phát sinh cao hơn so với số tiền phí được trích để lại do thực hiện dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, tổ chức thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của các các cơ quan, tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tỉnh triển thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày .... tháng ..... năm 2024 và có hiệu lực từ ngày .....tháng .....năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025./.

**CHỦ TỊCH*****Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể
- VPCP;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật – Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Website Chính phủ;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại An Giang, Báo Nhân dân tại An Giang, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh An Giang;
- Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học;
- Cổng Thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, .....